TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **03**/2026/QĐST-KDTM	*Đà Nẵng, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26/5/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2026/TLST-KDTM ngày 03/3/2026.

XÉT THẤY :

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3; Địa chỉ trụ sở chính: E N, phường L, Thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hoàng L, chức danh: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Đức Q, chức danh: Tổng Giám đốc Ngân hàng Q1 - Ngân hàng TMCP H3. *Người được ủy quyền lại:* Ông Phạm Thế D, bà Nguyễn Thị Vũ L1; cùng địa chỉ: Tầng B, Lô A đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền số: 12402/2023/UQ-TGĐ12 ngày 29/12/2023 và Giấy ủy quyền số: 150/2026/UQ-TGĐ12 ngày 08/01/2026*).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần X; Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà HTC Đ, số A Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trương Anh S, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trương Anh S, sinh năm 1975, CCCD số: 045075002700 và bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1976, CCCD số: 049176014807; Cùng nơi cư trú: Số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng (*Bà Dương Thị Thu H1 ủy quyền cho ông Trương Anh S tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 06/5/2026*).

+ Ông Trần Thanh T, sinh năm 1982, CCCD số: 040082011879 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1984, CCCD số: 040184025117; Cùng nơi cư trú: Số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền 9.697.748.132 đồng (*chín tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn một trăm ba mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc 8.560.082.534 đồng; nợ lãi trong hạn 815.597.775 đồng, nợ lãi quá hạn 322.067.823 đồng, lãi tính đến ngày 25/5/2026. Phương thức trả nợ như sau:

Vào ngày 25/6/2026, trả số tiền: 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*).

Vào ngày 25/7/2026, trả số tiền: 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Vào ngày 25/8/2026, trả số tiền: 9.517.748.132 đồng (*chín tỷ năm trăm mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn một trăm ba mươi hai đồng*) và tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày 26/5/2026, Công ty cổ phần X tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc này.

2.2. Trường hợp Công ty Cổ phần X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (*là một ngôi nhà hai tầng có kết cấu: Tường xây, nền gạch men, sàn tầng 1 đúc, trần tầng 2 đúc phía trên lợp tôn*) tại thửa số 152, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: B T, khu S- TT đô thị mới T, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 595937 do Sở T1 cấp ngày 06/12/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 114596) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Thanh T và bà Lê Thị H2.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (*là một ngôi nhà hai tầng + 01 tum có kết cấu: Tường xây, sàn đúc, mái đúc, tum lợp tôn*) tại thửa số 84, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: B T, Khu S-TT đô thị mới T, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 455012 do Sở T1 cấp ngày 16/01/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CTs 56603) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Anh S và bà Dương Thị Thu H.

2.3. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Công ty Cổ phần X phải chịu: 58.849.000 đồng (*năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 58.280.000 đồng (*năm mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001638 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2.4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- Đương sự ;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Anh Tuấn